TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Số:909/BC – BSG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Kết quả kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch năm 2018

I. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017

Năm 2017 với xu hướng thị trường bia thế giới nói chung và châu Á nói riêng đang có sự sụt giảm thì thị trường bia Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển ổn định. Theo đánh giá của các tổ chức nghiên cứu thì nền kinh tế Việt Nam thuộc nhóm phát triển nhanh, thu nhập đầu người ngày càng tăng, tốc độ đô thị hóa nhanh, dân số trẻ chiếm 60%. Đây là những nhân tố giúp thị trường bia Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục phát triển mạnh trong những năm tới. Hiện nay, Việt Nam đã vào danh sách 10 nước sản xuất bia hàng đầu thế giới và vẫn chiếm vị trí số 1 về tiêu thụ bia trong các nước Asean và thứ 3 châu Á với mức tiêu thụ trung bình bình quân đầu người khoảng 43 lít/năm. Với dự báo mức tăng trưởng 5% cho giai đoạn tiếp theo, dự báo ngành bia Việt Nam sẽ ngày càng thu hút sự đầu tư của các hãng bia hàng đầu thế giới.

Trong năm 2017, ngoài việc đối mặt với sự thay đổi của chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt thì Bia Sài Gòn còn phải chịu sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt của các nhãn bia đối thủ, đặc biệt là các hãng bia nước ngoài với tiềm lực tài chính rất mạnh và kinh nghiệm thị trường lâu năm. Trước tình hình đó, Ban Điều hành đã bám sát chủ trương, chỉ đạo về kế hoạch kinh doanh của Hội đồng quản trị, và đã có những thay đổi kịp thời, linh hoạt trong chiến lược phát triển sản phẩm, chiến lược thị trường, xây dựng hệ thống phân phối phù hợp hơn, chuyển hóa các nguồn lực hỗ trợ các kênh bán hàng hiệu quả hơn,…nhằm đưa hoạt động sản xuất kinh doanh về đúng định hướng kế hoạch và đã hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kết quả kinh doanh về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và giữ vững thị phần Bia Sài Gòn trong thị trường nội địa.

Với vị trí dẫn đầu về thị phần bia Việt Nam, năm 2017 sản phẩm bia Sài Gòn cũng được xuất khẩu qua hơn 30 quốc gia trên toàn thế giới. Ban Điều hành báo cáo các chỉ tiêu năm 2017 như sau:

Tình hình tài chính:

Về tình hình tài chính, Công ty vẫn duy trì sự ổn định tài chính trong năm 2017 với tăng trưởng tốt so với năm 2016 ở các chỉ tiêu chính như doanh thu, lợi nhuận. Các chỉ tiêu như vốn lưu động, công nợ và cơ cấu vốn vẫn được quản lý chặt chẽ.

Chỉ tiêu	Đvt	2016	2017	% tăng trưởng
Tổng sản lượng	Tr lít	1,647	1,791	8.7%

Tổng doanh thu	Tỷ đồng	31,662	35,218	11.2%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,517	4,949	9.6%

Đánh giá các hoạt động chính của Công ty:

- **Hoạt động Marketing – tiêu thụ:**

Tập trung đầu tư chi phí Marketing để xây dựng hình ảnh và chiến lược thương hiệu cho các nhãn hàng theo định vị và chiến lược phát triển dài hạn, trong đó định vị sản phẩm trên từng phân khúc.

Đánh giá, phân tích từng thị trường và phát triển các chương trình Marketing phù hợp theo định hướng hỗ trợ chiến lược cho các công ty thương mại khu vực trong hoạt động phát triển thị trường.

Đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng theo các phân khúc thị trường sản phẩm.

Kiểm soát và định hướng hoạt động bán hàng theo hướng thống nhất trong toàn hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện các chương trình bán hàng, đảm bảo sản lượng tiêu thụ theo đúng kế hoạch.

Tập trung vào các nhà phân phối quan trọng và các kênh phân phối để đáp ứng nhu cầu thị trường, luôn xem xét cân nhắc tới các chiến lược giá và độ cạnh tranh thị trường của thương hiệu.

- **Hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm:**

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển (R&D) để làm đa dạng danh mục sản phẩm, nâng cao chất lượng, đồng thời giảm giá thành sản xuất để khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường bia Việt Nam cũng như đáp ứng sự thay đổi xu hướng tiêu dùng của khách hàng.

- **Hoạt động sản xuất:**

Hoạt động kiểm soát chất lượng luôn được yêu cầu ở chuẩn mực cao nhất, từ khâu thu mua nguyên vật liệu xuyên suốt quá trình sản xuất cho đến thành phẩm cuối cùng, nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đến người tiêu dùng.

Nguồn lực sản xuất luôn được vận hành với công suất tối ưu, hiệu quả, tiết kiệm chi phí.

Các dự án xây dựng gia tăng năng lực sản xuất được tiến hành đúng tiến độ, đảm bảo đủ nguồn lực sản xuất cho nhu cầu thị trường. Các quy trình, quy định trong công tác chuẩn bị và triển khai dự án được thực hiện theo hướng ngày càng tinh gọn, gia tăng hiệu quả và tốc độ triển khai các dự án.

Tăng cường và áp dụng sâu rộng ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý tài sản và kỹ thuật, liên tục cập nhập công nghệ mới trong sản xuất.

Các quy trình hoạt động của nhà máy luôn đảm bảo các vấn đề sức khỏe, môi trường và phát triển bền vững.

Thường xuyên theo dõi tình hình biến động thị trường đối với các mặt hàng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất để kịp thời xây dựng kế hoạch mua hàng với giá cả và chất lượng phù hợp.

Giám sát quá trình cung ứng để cung cấp đầy đủ theo yêu cầu của các đơn vị sản xuất theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

- **Hoạt động quản trị - nhân sự:**

Kiện toàn cơ cấu và sắp xếp bộ máy nhân sự theo hướng tối ưu hóa hoạt động quản trị, điều hành và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Rà soát chức năng nhiệm vụ của các bộ phận thuộc Tổng công ty, công ty con, chuẩn hóa các bản mô tả công việc nhằm đánh giá đúng năng lực nhân viên cũng như xây dựng kế hoạch hành động dựa trên kết quả đánh giá

Hệ thống công nghệ thông tin luôn được cập nhập, đảm bảo việc lưu trữ và bảo mật thông tin an toàn, cũng như hỗ trợ hiệu quả trong công tác quản trị và quá trình hoạt động cho toàn hệ thống.

- **Hoạt động khác:**

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, chăm lo đời sống vật chất tinh thần đối với tất cả nhân viên.

Thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

Tích cực thực hiện trách nhiệm với xã hội thông qua các hoạt động từ thiện, hỗ trợ cộng đồng và các chương trình an sinh xã hội.

Tình hình hoạt động các công ty con, công ty liên kết:

Tại thời điểm 31/12/2017, SABECO có 3 công ty con với tỷ lệ sở hữu 100% vốn, 19 công ty con chiếm tỷ lệ sở hữu trên 51% vốn và 19 công ty liên doanh, liên kết.

Với việc sản lượng tiêu thụ SABECO tăng trưởng tốt trong năm 2017, các công ty con, liên kết, liên doanh của SABECO hoạt động trong lĩnh vực chính (sản xuất, tiêu thụ bia) và ngành nghề phụ trợ trực tiếp (bao bì, vận tải, cơ khí) nhìn chung đều đạt kết quả kinh doanh khả quan, tăng trưởng so với năm 2016, qua đó đóng góp vào kết quả hoạt động chung và gia tăng hiệu lợi nhuận, hiệu quả sử dụng vốn của SABECO.

Bên cạnh đó, các công ty liên doanh, liên kết hoạt động hiệu quả ở các lĩnh vực khác nhau như ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản,... cũng đã góp phần gia tăng lợi nhuận cho SABECO. Năm 2017, lợi nhuận ghi nhận từ công ty liên doanh, liên kết tăng 30% so với năm 2016.

Với chủ trương nâng cao hiệu quả kinh doanh, tập trung vốn đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính, SABECO đã và đang tích cực triển khai thực hiện thoái vốn tại các khoản đầu tư không hiệu quả nhằm tối đa hóa tỷ suất lợi nhuận đầu tư cho cổ đông.

II. Phương hướng hoạt động năm 2018

Năm 2018 đánh dấu sự thay đổi về cơ cấu cổ đông tại SABECO khi công ty TNHH Vietnam Beverage đã chính thức tham gia hoạt động quản trị, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Cùng với một truyền thống phát triển lâu đời và một thương hiệu tự hào của thị trường bia Việt Nam kết hợp với kinh nghiệm quản trị của các nhà đầu

tư mới sẽ mở ra một kỷ nguyên phát triển mạnh mẽ và bền vững cho Bia Sài Gòn. Vì vậy năm 2018 được xác định là năm bản lề cho quá trình thay đổi và phát triển của chiến lược kinh doanh trong giai đoạn tới. Hiệu quả và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm tạo đã vững tiến và tinh thần tích cực cho toàn thể nhân viên SABECO tiếp tục thực hiện các mục tiêu cho các năm tiếp theo.

Năm 2018 dự báo SABECO sẽ có những mặt thuận lợi và khó khăn như sau:

- Thuận lợi:
  - Sức tiêu thụ của thị trường dù đang có dấu hiệu giảm nhưng vẫn được dự báo tiếp tục tăng trưởng ở mức 5%/năm.
  - Các sản phẩm bia Sài Gòn vẫn phát triển mạnh ở các thị trường phi thành thị và phân khúc sản phẩm phổ thông.
  - Nền kinh tế và tốc độ gia tăng dân số tiếp tục phát triển ổn định, trong đó dân số trẻ chiếm tới 62% tổng dân số. Tầng lớp trung lưu và xu hướng đô thị hóa tiếp tục phát triển là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng ngành bia trong dài hạn.
- Khó khăn:
  - Áp lực cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các hãng bia.
  - Giá cả nguyên vật liệu chính sản xuất bia tăng mạnh do ảnh hưởng mùa vụ và thời tiết xấu.
  - Chưa phát triển sản phẩm ở phân khúc cao cấp để đáp ứng thị hiếu của nhóm dân số trẻ với thu nhập phát triển.
  - Thuế TTĐB tiếp tục tăng thuế suất 5% từ ngày 01/01/2018.

Đứng trước cơ hội và thách thức của năm 2018, Tổng công ty sẽ thực hiện các hành động như sau:

- Tiếp tục hoạt động tái cấu trúc hệ thống, các bộ phận chuyên môn để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đánh giá lại các chiến lược thương hiệu.
- Các hoạt động Marketing được xây dựng theo từng nhãn hiệu sản phẩm, phù hợp với định vị sản phẩm, hỗ trợ cho hoạt động bán hàng từng khu vực.
- Gia tăng các hoạt động quảng bá hình ảnh, thương hiệu, các chương trình, sự kiện cho người tiêu dùng phù hợp với định của từng nhãn hiệu sản phẩm.
- Đầu tư hiệu quả về kỹ thuật công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất tại các nhà máy đảm bảo sản lượng cung cấp đủ cho nhu cầu tiêu thụ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí sản xuất và cắt giảm nhiên liệu trong quá trình hoạt động nhằm bảo vệ môi trường và đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý.
- Hoàn thiện xây dựng hệ thống quản lý phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 17025 và áp dụng các phương pháp phân tích mới để nâng cao kiểm soát chất lượng xuyên suốt quá trình sản xuất của toàn hệ thống.
- Cung ứng đầy đủ, kịp thời các nguyên vật liệu và bao bì cho các nhà máy sản xuất trong hệ thống Tổng Công ty với chất lượng đạt yêu cầu.
- Mở rộng danh sách các nhà cung cấp đáp ứng theo yêu cầu và liên tục cập nhập, phân tích, đánh giá thông tin các nguyên vật liệu sản xuất để xây dựng kế hoạch phù hợp cho năm tiếp theo.

- Tiếp tục hoàn thiện công tác tuyển dụng, phát triển các hoạt động đào tạo, huấn luyện đội ngũ nhằm đáp ứng các yêu cầu công việc và hoạch định phát triển nhân sự trong dài hạn
- Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh quốc phòng.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể thực hiện công tác xã hội trên phạm vi cả nước với các chương trình cộng đồng có ý nghĩa.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018 xem xét, cho ý kiến.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

Receipients:

- Cổ đông Sabeco;
Sabeco shareholders
- HĐQT, BKS;
BOD, BOS
- Lưu: VT, BKHTH.
Archive, General Planning Dept.

BAN ĐIỀU HÀNH SABECO

On behalf of SABECO BOM

M.S.D.N: 0300588569 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thành Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 4103010027 ngày 17 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0300583659 ngày 29 tháng 2 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 2 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, lần thứ 6, được cấp ngày 1 tháng 9 năm 2017.

Hội đồng Quản trị	Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch
	Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên
	Ông Nguyễn Bích Đạt	Thành viên
	Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên (từ ngày 16 tháng 2 năm 2017)
	Ông Vũ Quang Hải	Thành viên (đến ngày 16 tháng 2 năm 2017)
	Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên (đến ngày 8 tháng 8 năm 2017)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc (từ ngày 12 tháng 6 năm 2017) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 12 tháng 6 năm 2017) Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn – Củ Chi (đến ngày 22 tháng 9 năm 2017)
	Ông Lê Hồng Xanh	Phụ trách Ban Điều hành (đến ngày 1 tháng 7 năm 2017)
	Ông Nguyễn Minh An	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn – Củ Chi (từ ngày 22 tháng 9 năm 2017)
	Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 12 tháng 10 năm 2017) Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn – Nguyễn Chí Thanh
Ban kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban kiểm soát (từ ngày 9 tháng 8 năm 2017)
	Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban kiểm soát (đến ngày 8 tháng 8 năm 2017)
	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên (từ ngày 16 tháng 2 năm 2017 đến ngày 8 tháng 8 năm 2017)
	Ông Lý Minh Hoàng	Thành viên (từ ngày 8 tháng 8 năm 2017)
	Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên (đến ngày 18 tháng 4 năm 2017)
	Ông Chung Trí Dũng	Thành viên (đến ngày 16 tháng 2 năm 2017)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc (từ ngày 12 tháng 6 năm 2017)
Trụ sở chính	Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Địa chỉ liên hệ	Tầng 5, Trung tâm Thương mại Vincom, 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Văn phòng đại diện	Văn phòng đại diện Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn tại Hà Nội: Tầng 6, số 97, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh	Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
	Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn ("Tổng Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 67. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0306563659 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 2 tháng 4 năm 2018

pwc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn ("Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 2 tháng 4 năm 2018. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 67.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (028)38230796, www.pwc.com/vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 7 tháng 3 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trình bày lại một số khoản mục của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như trình bày ở Thuyết minh 44.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2017-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM7186
TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 4 năm 2018

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	2016 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 44)
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**13.686.327.476.651**	**10.722.470.187.475**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**4.268.598.818.042**	**3.444.825.444.503**
111	Tiền		1.631.824.576.797	1.067.588.147.827
112	Các khoản tương đương tiền		2.636.774.241.245	2.377.237.296.676
120	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**6.558.801.231.269**	**3.174.321.174.216**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	6.558.801.231.269	3.174.321.174.216
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**715.326.353.415**	**1.090.484.124.645**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	171.320.969.298	551.218.730.609
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	108.549.780.497	166.784.656.218
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	468.739.410.975	402.155.031.238
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8(a)	(53.455.692.637)	(49.846.178.702)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý	9	20.171.885.282	20.171.885.282
140	**Hàng tồn kho**	10(a)	**2.003.535.067.335**	**2.134.361.489.832**
141	Hàng tồn kho		2.116.546.352.025	2.171.045.269.254
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(113.011.284.690)	(36.683.779.422)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**140.066.006.590**	**878.477.954.279**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	24.912.851.252	67.695.049.694
152	Thuế GTGT được khấu trừ	19	112.192.286.560	133.125.768.230
153	Thuế và các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước	12, 19	2.960.868.778	677.657.136.355

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	2016 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 44)
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**8.327.361.633.259**	**8.472.277.522.027**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**20.093.775.062**	**17.479.816.391**
211	Phải thu dài hạn của khách hàng		4.761.134.371	5.317.157.150
215	Phải thu về cho vay dài hạn		4.000.000.000	4.000.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	49.118.570.411	46.503.666.490
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8(b)	(37.785.929.720)	(38.341.007.249)
220	**Tài sản cố định**		**5.008.100.480.672**	**5.473.890.167.787**
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	4.044.747.362.200	4.488.854.249.443
222	Nguyên giá		9.343.836.360.323	9.186.604.019.960
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.299.088.998.123)	(4.697.749.770.517)
227	Tài sản cố định vô hình	13(b)	963.353.118.472	985.035.918.344
228	Nguyên giá		1.088.315.805.211	1.098.990.100.615
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(124.962.686.739)	(113.954.182.271)
230	**Bất động sản đầu tư**	14	**67.657.774.573**	**56.987.547.102**
231	Nguyên giá		83.725.457.765	71.374.464.942
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.067.683.192)	(14.386.917.840)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**111.505.655.106**	**76.866.965.060**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	111.505.655.106	76.866.965.060
250	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**2.152.327.824.131**	**1.959.509.760.655**
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	1.747.121.088.747	1.602.030.153.562
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	736.652.914.597	763.251.332.167
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(352.315.059.118)	(426.640.604.979)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	20.868.879.905	20.868.879.905
260	**Tài sản dài hạn khác**		**967.676.123.715**	**887.543.265.032**
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	816.991.436.755	756.355.605.445
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	136.822.415.511	121.304.649.369
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10(b)	13.862.271.449	9.883.010.218
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**22.013.689.109.910**	**19.194.747.709.502**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 67 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	2016 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 44)
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**7.593.162.674.962**	**6.898.812.937.830**
310	**Nợ ngắn hạn**		**7.401.584.603.555**	**6.613.016.425.796**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	17	2.020.399.662.484	2.016.162.043.577
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	89.250.848.970	490.295.652.849
313	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	19	1.209.757.064.447	971.134.583.923
314	Phải trả người lao động		222.226.205.331	264.807.999.201
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	20	196.525.953.248	226.577.837.383
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		606.060.605	800.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	21(a)	2.630.180.684.051	1.270.403.801.122
320	Vay ngắn hạn	22(a)	722.903.981.780	1.042.309.667.870
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn		12.991.411.679	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	296.742.730.960	330.524.839.871
330	**Nợ dài hạn**		**191.578.071.407**	**285.796.512.034**
332	Người mua trả tiền trước dài hạn		22.183.449	22.183.449
337	Phải trả dài hạn khác	21(b)	53.632.516.000	52.776.316.000
338	Vay dài hạn	22(b)	1.941.629.834	164.412.285.558
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16	17.217.198.238	13.747.487.771
342	Dự phòng phải trả dài hạn		64.493.890.463	567.585.833
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		54.270.653.423	54.270.653.423
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**14.420.526.434.948**	**12.295.934.771.672**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**14.420.489.034.948**	**12.295.897.371.672**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	24, 25	6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*6.412.811.860.000*	*6.412.811.860.000*
414	Vốn khác của chủ sở hữu	25	3.208.666.226	3.208.666.226
415	Cổ phiếu quỹ	25	-	(23.450.000.000)
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25	19.113.771.975	17.006.600.079
418	Quỹ đầu tư phát triển	25	1.118.963.482.640	1.118.398.295.310
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	25	5.327.112.664	6.040.737.039
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	25	5.823.903.898.574	3.713.726.741.137
421a	*- LNST chưa phân phối của các năm trước*		*2.946.086.838.409*	*1.675.604.484.894*
421b	*- LNST chưa phân phối năm nay*		*2.877.817.060.165*	*2.038.122.256.243*
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25, 26	1.037.160.242.869	1.048.154.471.881
430	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**37.400.000**	**37.400.000**
431	Nguồn kinh phí		37.400.000	37.400.000
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**22.013.689.109.910**	**19.194.747.709.502**

Hoàng Thanh Vân	Nguyễn Tiến Dũng	Nguyễn Thành Nam
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 2 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 67 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	2016 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 44)
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**34.438.171.048.592**	**30.602.446.316.556**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(244.780.494.353)	(135.752.579.713)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	30	**34.193.390.554.239**	**30.466.693.736.843**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	31	**(25.327.872.489.662)**	**(22.299.654.609.655)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**8.865.518.064.577**	**8.167.039.127.188**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	32	506.107.630.554	751.041.069.989
22	Chi phí tài chính	33	25.805.674.678	(68.664.200.785)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(42.111.534.689)*	*(82.182.081.908)*
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		411.873.934.390	305.649.678.623
25	Chi phí bán hàng	34	(2.811.111.874.500)	(2.671.906.350.771)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	35	(935.974.797.536)	(780.911.026.732)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**6.062.218.632.164**	**5.702.248.297.512**
31	Thu nhập khác		106.139.463.217	138.614.329.944
32	Chi phí khác		(91.266.440.247)	(113.519.220.050)
40	**Lợi nhuận khác**	36	**14.873.022.970**	**25.095.109.894**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**6.077.091.655.134**	**5.727.343.407.406**
51	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	38	**(1.140.540.458.945)**	**(411.415.406.799)**
52	**Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại**	16, 38	**12.048.055.675**	**(798.584.559.967)**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**4.948.599.251.864**	**4.517.343.440.640**
	Phân bổ cho:			
61	**Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty**		**4.711.485.204.581**	**4.338.773.356.882**
62	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**237.114.047.283**	**178.570.083.758**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	29	**6.915**	**6.194**
71	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	29	**6.915**	**6.194**

Hoàng Thanh Vân	Nguyễn Tiến Dũng	Nguyễn Thành Nam
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 2 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 67 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	2016 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 44)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**6.077.091.655.134**	**5.727.343.407.406**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư		625.353.451.649	632.464.161.880
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		81.974.112.122	(7.126.993.043)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		105.642.811	1.407.026
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(920.687.812.365)	(1.053.307.864.078)
06	Chi phí lãi vay		42.111.534.689	82.182.081.908
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**5.905.948.584.040**	**5.381.556.201.099**
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		187.690.969.602	(106.137.506.487)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		50.519.655.998	(210.519.271.008)
11	Giảm các khoản phải trả		(329.359.651.676)	(2.915.780.040.492)
12	Tăng chi phí trả trước		(17.853.632.868)	(54.335.072.441)
14	Tiền lãi vay đã trả		(44.424.319.099)	(87.165.769.568)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(294.736.168.316)	(984.037.331.258)
17	Chi khác từ hoạt động kinh doanh		(389.966.128.772)	(304.207.973.110)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**5.067.819.308.909**	**719.373.236.735**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(151.157.759.584)	(156.346.954.556)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		14.863.280.117	40.502.081.658
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng		(7.278.046.709.349)	(3.034.021.174.216)
24	Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng		3.893.566.652.296	809.466.940.162
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(43.880.715.400)	(27.824.678.187)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		66.048.265.300	581.149.667.139
27	Thu lãi tiền gửi và cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		678.088.897.966	783.616.859.474
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(2.820.518.088.654)**	**(1.003.457.258.526)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		67.207.854.357	5.820.025.630
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.541.517.218.824	3.880.680.269.651
35	Chi trả nợ gốc vay		(4.023.393.560.638)	(4.336.074.219.633)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.008.864.945.050)	(3.757.483.070.376)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(1.423.533.432.507)**	**(4.207.056.994.728)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**823.767.787.748**	**(4.491.141.016.519)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	3	**3.444.825.444.503**	**7.935.974.303.078**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.585.791	(7.842.056)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**4.268.598.818.042**	**3.444.825.444.503**

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính được trình bày tại Thuyết minh 40.

Hoàng Thanh Vân	Nguyễn Tiến Dũng	Nguyễn Thành Nam
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 2 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 67 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 4103010027 ngày 17 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0300583659 ngày 29 tháng 2 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 2 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, lần thứ 6, được cấp ngày 1 tháng 9 năm 2017.

Hội đồng Quản trị	Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch
	Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên
	Ông Nguyễn Bích Đạt	Thành viên
	Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên (từ ngày 16 tháng 2 năm 2017)
	Ông Vũ Quang Hải	Thành viên (đến ngày 16 tháng 2 năm 2017)
	Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên (đến ngày 8 tháng 8 năm 2017)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc (từ ngày 12 tháng 6 năm 2017) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 12 tháng 6 năm 2017) Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn – Củ Chi (đến ngày 22 tháng 9 năm 2017)
	Ông Lê Hồng Xanh	Phụ trách Ban Điều hành (đến ngày 1 tháng 7 năm 2017)
	Ông Nguyễn Minh An	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn – Củ Chi (từ ngày 22 tháng 9 năm 2017)
	Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 12 tháng 10 năm 2017) Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn – Nguyễn Chí Thanh
Ban kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban kiểm soát (từ ngày 9 tháng 8 năm 2017)
	Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban kiểm soát (đến ngày 8 tháng 8 năm 2017)
	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên (từ ngày 16 tháng 2 năm 2017 đến ngày 8 tháng 8 năm 2017)
	Ông Lý Minh Hoàng	Thành viên (từ ngày 8 tháng 8 năm 2017)
	Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên (đến ngày 18 tháng 4 năm 2017)
	Ông Chung Trí Dũng	Thành viên (đến ngày 16 tháng 2 năm 2017)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc (từ ngày 12 tháng 6 năm 2017)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Trụ sở chính	Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa chỉ liên hệ	Tầng 5, Trung tâm Thương mại Vincom, 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Văn phòng đại diện	Văn phòng đại diện Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn tại Hà Nội: Tầng 6, số 97, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh	Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn ("Tổng Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 6 đến trang 64. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0300 ... C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn ("Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (028)38230796, www.pwc.com/vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 7 tháng 3 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trình bày lại một số khoản mục của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như trình bày ở Thuyết minh 40.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2017-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6910
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	2016 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 40)
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**11.323.011.283.213**	**7.197.862.235.245**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**2.382.294.145.898**	**1.880.612.291.229**
111	Tiền		262.294.145.898	180.612.291.229
112	Các khoản tương đương tiền		2.120.000.000.000	1.700.000.000.000
120	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**6.374.000.000.000**	**2.940.000.000.000**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	6.374.000.000.000	2.940.000.000.000
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**2.156.246.766.937**	**1.323.984.478.709**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.305.092.241.908	654.947.891.118
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	9.564.895.915	25.835.999.243
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	867.877.020.095	669.487.979.329
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8(a)	(40.787.786.892)	(40.787.786.892)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý	9	14.500.395.911	14.500.395.911
140	**Hàng tồn kho**	10(a)	**388.093.755.215**	**395.709.326.162**
141	Hàng tồn kho		414.420.214.598	410.266.010.507
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(26.326.459.383)	(14.556.684.345)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**22.376.615.163**	**657.556.139.145**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	1.491.233.083	7.330.467.472
152	Thuế GTGT được khấu trừ	18	20.885.169.356	9.424.137.131
153	Thuế và các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước	12, 18	212.724	640.801.534.542

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	2016 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 40)
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**6.156.832.349.207**	**6.268.339.688.713**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**319.351.652.760**	**320.787.195.660**
215	Phải thu về cho vay dài hạn		4.000.000.000	9.900.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	348.220.532.665	349.656.075.565
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8(b)	(32.868.879.905)	(38.768.879.905)
220	**Tài sản cố định**		**1.840.303.606.752**	**2.052.019.379.902**
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	954.626.221.143	1.157.698.733.135
222	Nguyên giá		3.427.249.784.365	3.386.884.827.897
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.472.623.563.222)	(2.229.186.094.762)
227	Tài sản cố định vô hình	13(b)	885.677.385.609	894.320.646.767
228	Nguyên giá		989.440.803.824	987.925.803.824
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(103.763.418.215)	(93.605.157.057)
230	**Bất động sản đầu tư**	14	**4.354.990.620**	**4.747.955.124**
231	Nguyên giá		7.859.289.977	7.859.289.977
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.504.299.357)	(3.111.334.853)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**61.211.627.837**	**29.216.550.436**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	61.211.627.837	29.216.550.436
250	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**3.810.074.657.892**	**3.760.530.037.279**
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	2.728.068.835.029	2.728.068.835.029
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	687.084.845.720	666.884.845.720
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	783.539.401.803	807.063.205.046
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(409.487.304.565)	(462.355.728.421)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	20.868.879.905	20.868.879.905
260	**Tài sản dài hạn khác**		**121.535.813.346**	**101.038.570.312**
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	85.450.744.309	75.573.566.548
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	34.929.597.381	21.844.700.874
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10(b)	1.155.471.656	3.620.302.890
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**17.479.843.632.420**	**13.466.201.923.958**

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	2016 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 40)
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**5.370.277.081.680**	**3.425.964.930.845**
310	**Nợ ngắn hạn**		**5.239.437.665.215**	**3.320.091.961.422**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	17	2.017.620.399.768	1.551.081.121.557
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.366.746.525	788.329.086
313	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	18	574.189.634.734	410.027.573.389
314	Phải trả người lao động		53.540.955.885	105.953.656.715
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	19	53.169.977.301	74.886.545.328
319	Phải trả ngắn hạn khác	20(a)	2.440.537.137.922	988.058.331.719
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	97.012.813.080	189.296.403.628
330	**Nợ dài hạn**		**130.839.416.465**	**105.872.969.423**
337	Phải trả dài hạn khác	20(b)	51.602.316.000	51.602.316.000
342	Dự phòng phải trả dài hạn		24.966.447.042	-
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		54.270.653.423	54.270.653.423
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**12.109.566.550.740**	**10.040.236.993.113**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**12.109.566.550.740**	**10.040.236.993.113**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	22, 23	6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*6.412.811.860.000*	*6.412.811.860.000*
418	Quỹ đầu tư phát triển	23	760.819.802.040	760.819.802.040
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23	4.935.934.888.700	2.866.605.331.073
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước*	*23*	*2.790.638.035.073*	*892.137.789.401*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*	*23*	*2.145.296.853.627*	*1.974.467.541.672*
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**17.479.843.632.420**	**13.466.201.923.958**

Lê Thị Thiên Thanh	Nguyễn Tiến Dũng	Nguyễn Thành Nam
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 64 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	2016 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 40)
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	26	**34.503.890.606.310**	**30.895.884.089.945**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	(551.915.200)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**34.503.890.606.310**	**30.895.332.174.745**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	27	**(29.588.446.699.863)**	**(26.513.435.310.686)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**4.915.443.906.447**	**4.381.896.864.059**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	28	2.142.341.449.056	1.634.597.657.117
22	Chi phí tài chính	29	50.027.658.964	20.775.323.891
25	Chi phí bán hàng	30	(1.446.841.604.384)	(650.161.156.589)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(370.150.098.282)	(312.759.691.123)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**5.290.821.311.801**	**5.074.348.997.355**
31	Thu nhập khác		2.310.276.092	49.587.390.746
32	Chi phí khác		(10.148.296.672)	(13.565.615.120)
40	**(Lỗ)/lợi nhuận khác**	32	**(7.838.020.580)**	**36.021.775.626**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**5.282.983.291.221**	**5.110.370.772.981**
51	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	34	**(733.785.378.516)**	**(166.240.893.977)**
52	**Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại**	16, 34	**13.084.896.507**	**(821.161.839.333)**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**4.562.282.809.212**	**4.122.968.039.671**

Lê Thị Thiên Thanh	Nguyễn Tiến Dũng	Nguyễn Thành Nam
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	2016 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 40)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**5.282.983.291.221**	**5.110.370.772.981**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư		253.988.694.122	254.946.117.305
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(22.032.201.776)	(19.487.175.040)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		79.253.350	(92.331.846)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.141.713.389.269)	(1.636.215.668.336)
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**3.373.305.647.648**	**3.709.521.715.064**
09	Tăng các khoản phải thu		(52.854.933.835)	(195.472.347.329)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.689.372.857)	(12.973.313.994)
11	Giảm các khoản phải trả		(91.685.154.119)	(3.021.378.002.920)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(4.037.943.372)	20.306.935.044
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(536.500.402.568)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(210.551.412.537)	(136.029.298.204)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**3.012.486.830.928**	**(172.524.714.907)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(70.241.373.207)	(92.578.393.107)
22	Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ		-	33.427.270
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng		(7.024.000.000.000)	(2.500.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng		3.595.900.000.000	250.000.000.000
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(40.000.000.000)	(449.947.945.903)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		66.048.265.300	361.795.050.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.970.351.289.322	1.727.870.978.394
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(1.501.941.818.585)**	**(702.826.883.346)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	24	(1.008.864.945.050)	(3.650.107.852.550)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(1.008.864.945.050)**	**(3.650.107.852.550)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**501.680.067.293**	**(4.525.459.450.803)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	3	**1.880.612.291.229**	**6.406.079.584.088**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.787.376	(7.842.056)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**2.382.294.145.898**	**1.880.612.291.229**

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính được trình bày tại Thuyết minh 36.

Lê Thị Thiên Thanh	Nguyễn Tiến Dũng	Nguyễn Thành Nam
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 64 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CP BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 300 /2018/TTr-HDQT	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc: Quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2017 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Nghị quyết số 93/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/8/2017 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn;

Căn cứ Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐQT ngày 01/06/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn;

Căn cứ chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2017 của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2017 đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại SABECO như sau:

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017
I	**Tiền lương, tiền thưởng**			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	4	4
2	Quỹ tiền lương	Đồng	4.667.476.650	4.966.281.500
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	583.434.581	620.785.187
II	**Thù lao**			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	6	4
2	Quỹ thù lao	Đồng	1.425.600.000	759.843.840

Kính trình./.

Nơi nhận:
- Như trên (*As above*);
- Lưu VP HĐQT, VT, TCNS.

Saved: BODs Office, Archived, HR Dept.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0300583639 - C.T.C.P - TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

Koh Poh Tiong

TỔNG CÔNG TY CP BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 301 /2018/TTr-HDQT	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc: Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2018 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐQT ngày 01/06/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn;

Căn cứ chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch năm 2018 của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2018 đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại SABECO như sau:

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018
I	**Tiền lương, tiền thưởng**			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	4	5
2	Quỹ tiền lương	Đồng	4.966.281.500	3.723.160.000
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	620.785.187	604.240.000
II	**Thù lao**			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	4	10
2	Quỹ thù lao	Đồng	759.843.840	1.438.639.488

Kính trình./.

Nơi nhận:
- Như trên (*As above*);
- Lưu VP HĐQT, VT, TCNS.

Saved: BODs Office, Archived, HR Dept.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Koh Poh Tiong

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 302 /2018/TTr-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2018*

TỜ TRÌNH
V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông SABECO

Căn cứ chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện năm 2017, Hội đồng quản trị SABECO kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

Số	Diễn giải	KH 2017 (Tr. Đồng)	TH 2017 (Tr. Đồng)
1	**Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ**	**3.713.727**	**3.713.727**
2	**Lợi nhuận sau thuế**	**4.702.820**	**4.948.599**
3	**Phân phối lợi nhuận, trong đó:**	**2.685.966**	**2.648.015**
	Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (đạt kế hoạch – 3 tháng lương)	375.688	337.126
	Trích quỹ Đầu tư phát triển	16.368	14.782
	Trích quỹ Công tác xã hội	49.426	51.623
	Chia cổ tức	2.244.484	2.244.484
	Tỷ lệ chia cổ tức	35%	35%
4	**Lợi nhuận sau thuế còn lại**	**5.730.581**	**6.014.311**

Căn cứ Thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 về việc thực hiện trích quỹ Khen thưởng phúc lợi:

- Nếu lợi nhuận thực tế bằng với kế hoạch đề ra, công ty có thể trích lên tới 3 tháng lương vào quỹ Khen thưởng phúc lợi;
- Nếu lợi nhuận thực tế cao hơn kế hoạch đề ra, công ty có thể trích thêm tới 20% phần lợi nhuận cao hơn (nhưng không cao 3 tháng lương).

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP.HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Koh Poh Tiong

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 303 /2018/TTr-HĐQT	TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2018

TỜ TRÌNH
V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông SABECO

Căn cứ chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện năm 2018, Hội đồng quản trị SABECO kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Số	Diễn giải	KH 2018 (Tr. Đồng)	TH 2017 (Tr. Đồng)
1	**Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ**	**6.014.311**	**3.713.727**
2	**Lợi nhuận sau thuế**	**4.007.025**	**4.948.599**
3	**Phân phối lợi nhuận, trong đó:**	**2.508.559**	**2.648.015**
	Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (đạt kế hoạch – 3 tháng lương)	226.168	337.126
	Trích quỹ Đầu tư phát triển	1.744	14.782
	Trích quỹ Công tác xã hội	36.163	51.623
	Chia cổ tức	2.244.484	2.244.484
	Tỷ lệ chia cổ tức	35%	35%
4	**Lợi nhuận sau thuế còn lại**	**7.512.777**	**6.014.311**

Căn cứ Thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 về việc thực hiện trích quỹ Khen thưởng phúc lợi:

- Nếu lợi nhuận thực tế bằng với kế hoạch đề ra, công ty có thể trích lên tới 3 tháng lương vào quỹ Khen thưởng phúc lợi;
- Nếu lợi nhuận thực tế cao hơn kế hoạch đề ra, công ty có thể trích thêm tới 20% phần lợi nhuận cao hơn (nhưng không cao 3 tháng lương).

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Koh Poh Tiong

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ THẢO

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2018

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (SABECO) ngày 8/8/2017;

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên SABECO năm 2018 diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị (HĐQT) xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

I. MỤC ĐÍCH:

Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên SABECO năm 2018 (sau đây gọi tắt là ĐHĐCĐ hoặc Đại hội) diễn ra đúng quy định.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG:

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên SABECO năm 2018 đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên SABECO năm 2018.

III. NỘI DUNG QUY CHẾ:

1. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ:

a. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/người được ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Mục III; ĐHĐCĐ phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện

cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

c. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Mục III; ĐHĐCĐ được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, và trong trường hợp này ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội:

Các cổ đông của SABECO theo danh sách chốt ngày 02/7/2018 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. **Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.**

3. Khách mời tại Đại hội:

- Là các chức danh quản lý của SABECO, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4. Khách mời, Cổ đông tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau:

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân… theo yêu cầu của BTC Đại hội.
- Đăng ký danh sách cổ đông tham gia Đại hội, nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp tại hội trường Đại hội.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi cổ đông đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- **Người nhận ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền tham dự Đại hội cho người thứ ba tham dự Đại hội.**
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

- Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có cổ đông không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

5. Chủ tọa Đại hội:

- Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số Thành viên HĐQT làm Chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:
  - Chủ trì Đại hội quyết định trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội theo Quy định của Pháp luật và Điều lệ SABECO.
  - Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
  - Trả lời hoặc cử cán bộ quản lý có liên quan trả lời các vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt thời gian Đại hội diễn ra.
  - Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ SABECO.

6. Ban Thư ký Đại hội:

- Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định.
- Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội:
  - Thực hiện các công việc trợ giúp Đại hội theo sự phân công của Chủ tọa.
  - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của cổ đông.
  - Ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, chính xác toàn bộ nội dung của Đại hội trong Biên bản họp Đại hội và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

7. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội do Ban tổ chức Đại hội cử.
- Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra các loại giấy tờ chứng minh tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước Đại hội.
- Trường hợp người đến dự Đại hội không chứng minh được đầy đủ tư cách cổ đông tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

8. Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cán bộ công nhân viên của SABECO, cổ đông và/hoặc đơn vị tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ. Thành viên Ban kiểm phiếu không đồng thời là Chủ tọa hoặc Ban Thư ký Đại hội.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
  - Kiểm tra nội dung, hình thức và số phiếu phát ra
  - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết
  - Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện ủy quyền
  - Tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu
  - Công bố kết quả kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

9. Phát biểu tại Đại hội:

- Cổ đông tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

10. Thể lệ biểu quyết tại Đại hội:

a. Các quy định chung về biểu quyết:

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- Mỗi cổ đông đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát trực tiếp: **một (01)**

Thẻ biểu quyết và **một (01) Phiếu biểu quyết** có ghi mã số đại biểu số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện có đóng dấu treo Công ty dùng để biểu quyết các nội dung theo chương trình Đại hội.

b. Thể thức biểu quyết, trình tự xin ý kiến biểu quyết:

Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự:

- Tán thành với nội dung vừa được trình;
- Không tán thành với nội dung vừa được trình;
- Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

Tại Đại hội, cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai hình thức sau:

- ❖ **Phương thức giơ "Thẻ biểu quyết":** Mỗi cổ đông/người được ủy quyền được phát một (01) Thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông/người được ủy quyền giơ Thẻ biểu quyết lên cao hướng về phía Chủ tọa.
  - Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
  - Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần hoặc hai trong số ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề, thì được xem như biểu quyết không tán thành vấn đề đó.
  - Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
- ❖ **Phương thức điền vào "Phiếu biểu quyết":** Mỗi cổ đông/người được ủy quyền được phát một (01) Phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Cổ đông/người được ủy quyền đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung thuộc Báo cáo/Tờ trình tại Đại hội.

c. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

- ❖ Phiếu biểu quyết hợp lệ*:*

- Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra.
- Không tẩy xóa, cạo sửa, thay đổi các nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoại trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban Tổ chức.
- Phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên của cổ đông/ người được ủy quyền tham dự.
- Đối với mỗi nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình): Thẻ có chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

❖ Phiếu biểu quyết không hợp lệ*:*

- Là các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ. Tuy nhiên, các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ sẽ vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.

d. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ ghi nhận, kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung thông qua tại Đại hội. Đồng thời chịu trách nhiệm thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

e. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết

- Đối với quyết định các nội dung liên quan đến loại cổ phần, tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của SABECO; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của SABECO; tổ chức lại, giải thể SABECO; gia hạn hoạt động của SABECO được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
- Đối với các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông/người được ủy quyền đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/người được ủy quyền dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 23 Điều lệ.

11. Biên bản và Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

- Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản của Đại hội.
- Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 phải được đọc và thông

qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu lại tại trụ sở chính của SABECO.

IV. THỰC HIỆN:

- Tất cả các cổ đông, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của SABECO và các quy định pháp luật có liên quan, chấp hành các quyết định của Chủ tọa, Ban tổ chức Đại hội. Nếu vi phạm tùy theo mức độ Chủ tọa Đại hội sẽ áp dụng các biện pháp xử lý từ việc hạn chế không được phát biểu, trục xuất ra khỏi hội trường nơi diễn ra Đại hội, hoặc chuyển sang cơ quan pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ SABECO, Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản pháp luật liên quan.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

KOH POH TIONG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (SABECO) ngày 8/8/2017;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn ngày 21/7/2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018.

Điều 4: Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2017.

Điều 5: Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.

Điều 6: Thông qua Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2017 và Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2018.

Điều 7: Thông qua Tờ trình thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Điều 8: Thông qua Tờ trình thay đổi cấu trúc quản lý doanh nghiệp.

Điều 9: Thông qua tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ SABECO

Điều 10: Thông qua việc bổ nhiệm HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 7 thành viên như sau:

- Ông/Bà...

Điều 11: Điều khoản thi hành:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn được Đại hội nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 21/7/2018.

Tất cả cổ đông của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên của Tổng công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:
- Cổ đông SABECO;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Tổng giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT, VPTCT.

Koh Poh Tiong